

Bản án số: **02/2023/KDTM-ST**
Ngày: 14/9/2023
V/v tranh chấp “hợp đồng mua bán điện”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phong Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Thi

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLST-KDTM ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc “hợp đồng mua bán điện” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 384/2023/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tổng Công ty Đ1-TNHH. Trụ sở chính: Số G H, phường B, Quận A, TP Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phước Đ - Chức vụ: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đ1-TNHH.

Người đại diện theo ủy quyền của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đ1-TNHH là ông Huỳnh Thanh B – chức vụ: Giám đốc Điện lực C- Công ty Đ2. Theo giấy ủy quyền số 3662/GUQ-EVNSPC ngày 16/5/2023 Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đ1-TNHH. Địa chỉ: B, đường P, Khóm C, phường C B, TP C. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Trần Châu L, sinh năm 1980. Hộ khẩu thường trú: 43 Q, Hồ V, Phường I, quận P, TP Hồ Chí Minh. Địa chỉ mua điện: số 6726, khóm H, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 15/5/2020 Điện lực C đại diện cho Tổng Công ty Đ1 có ký kết hợp đồng mua bán điện số 20/000045 giữa bên bán điện là Tổng Công ty Đ1 - TNHH và bên mua điện là Bà Nguyễn Trần Châu L, hợp đồng mua bán điện phục vụ cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh nông sản do bà Nguyễn Trần Châu L đại diện theo pháp luật, địa điểm mua điện số 6726, khóm (ấp), thị trấn (xã), huyện A, tỉnh An Giang, mã khách hàng: PB12040029316 là địa điểm được bà Nguyễn Trần Châu L thuê của bà Hồ Thị L1 mục đích làm nhà xưởng, kho chứa hàng hóa. Tổng Công ty Đ1 đã bán điện Bà Nguyễn Trần Châu L kể từ khi hai bên ký kết hợp đồng, bên mua điện cũng đã thực hiện thanh toán tiền điện đến kỳ hoá đơn tháng 9 năm 2022 tuy nhiên đến tháng 10 năm 2022 sau khi đã quá hạn thanh toán hoá đơn tiền điện của kỳ 1 tháng 10 năm 2022 với số tiền 30.168.191 đồng thì Bà Nguyễn Trần Châu L vẫn chưa thực hiện thanh toán tiền điện. Trong tháng 10 năm 2022, Tổng Công ty Đ1 đã cử nhân viên liên hệ khách hàng nhiều lần qua số điện thoại nhưng không liên lạc được, đến trực tiếp địa điểm mua điện thì cơ sở đóng cửa không còn hoạt động, liên hệ chủ đất cho thuê là bà Hồ Thị L1 cũng xác nhận không liên hệ được bà Nguyễn Trần Châu L. Từ thời điểm tháng 10 năm 2022 cho đến nay Tổng Công ty Đ1- TNHH đã cố gắng thực hiện liên hệ khách hàng nhiều lần số điện thoại, qua các môi liên hệ liên quan nhưng vẫn không có kết quả. Hiện tại Tổng Công ty Đ1 vẫn còn tài sản là đường dây và trạm biến áp 3x25kVA đang lắp tại địa điểm Số F, ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang. Nay Tổng Công ty Đ1 - TNHH yêu cầu bà Nguyễn Trần Châu L thanh toán nợ tiền hóa đơn tháng 10/2022 với số tiền là 30.168.191 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Trần Châu L trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án không nhận được văn bản thể hiện ý kiến cũng như yêu cầu của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng...là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Viện kiểm sát phát biểu về nội dung: Từ những phân tích nêu trên căn cứ Điều 50; 306; 319 Luật Thương Mại Điều 30; 35; 39; 147 của Bộ luật tố tụng dân sự Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/ UBTVQH 14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016. Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc Bà Nguyễn Trần Châu L phải trả cho Tổng Công ty Đ1 - TNHH số tiền điện còn nợ lại của tháng 10 năm 2022 là 30.168.191 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tổng Công ty Đ1- TNHH và Bà Nguyễn Trần Châu L ký hợp đồng mua bán điện, do đó có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng kinh doanh thương mại, đây là tranh chấp hợp đồng mua bán điện. Do bị đơn sử dụng điện nhưng chưa thanh toán hết tiền điện cho nguyên đơn nên Điện lực miền N-TNHH khởi kiện.

Bà Nguyễn Trần Châu L được UBND xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang xác nhận ngày 15/5/2020 cấp Giấy đơn đề nghị xác nhận kinh doanh sản xuất không số, người đại diện là bà Nguyễn Trần Châu L –số CMT 212132965 cấp ngày 18/03/2015 tại Công an tỉnh Q. Do bị đơn Bà Nguyễn Trần Châu L có địa chỉ tại số F, khóm (ấp), thị trấn (xã), huyện A, tỉnh An Giang nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

[2] Về người tham gia tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Trần Châu L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Trần Châu L. Nguyên đơn có mặt.

[3] Về nội dung: Đối với yêu cầu của Tổng Công ty Đ1 - TNHH nhận thấy: Căn cứ vào Hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt số 20/000045 ngày 15/05/2020 được ký giữa Tổng Công ty Đ1 - TNHH với bà Nguyễn Trần Châu L cho thấy việc giao kết hợp đồng mua bán điện nêu trên giữa các bên là có thật và trên cơ sở tự nguyện, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý.

Theo quy định Luật Thương mại năm 2005, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2019, cụ thể khoản 1 Điều 24 quy định: “Hợp đồng mua bán hàng hóa được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể”; khoản 1 Điều 50 quy định: “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận”, khoản 2 Điều 50 quy định: “Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật”. Nhận thấy giữa nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận ký Hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt số 20/000045 ngày 15/05/2020, mã khách hàng số mã khách hàng: PB12040029316. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Nguyễn Trần Châu L sử dụng điện tại địa chỉ số F, khóm (ấp), thị trấn (xã), huyện A, tỉnh An Giang, mục đích sử dụng làm nhà xưởng kho chứa hàng hóa, ghi chỉ số công tơ 01 kỳ/tháng, thời hạn thanh toán trong vòng 07 ngày kể từ ngày nguyên đơn thông báo thanh toán lần đầu. Trong quá trình sử dụng điện, bị đơn không thanh toán kỳ 1 tháng 10 năm 2022 với số tiền 30.168.191

đồng. Do đó, bị đơn đã vi phạm khoản 4 Điều 1 của hợp đồng về hình thức và thời hạn thanh toán tiền điện. Mặc dù, nguyên đơn đã gửi thông báo thanh toán tiền điện cho bị đơn vào ngày 09/9/2022 nhưng bị đơn vẫn không thanh toán tiền điện.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Trần Châu L để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đối chiếu khoản nợ tiền điện nhưng bà Nguyễn Trần Châu L đều vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án chứng cứ, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản nợ 30.168.191 đồng nên xem như bị đơn đã từ bỏ quyền của mình, mặc nhiên thừa nhận còn nợ số tiền điện như nguyên đơn yêu cầu.

[5] Ngày 28/6/2023 Tòa án có Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 207/2023/QĐ-UTTA đến Tòa án Quận P, TP . Ủy thác cho Tòa án nhân dân Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh, tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ: ghi lời khai dương sự bà Nguyễn Trần Châu L, sinh năm 1980; địa chỉ: D Q, Hồ V, Phường I, quận P, TP Hồ Chí Minh, về việc Tổng Công ty Đ1-TNHH khởi kiện bà Nguyễn Trần Châu L yêu cầu trả tiền điện còn nợ là 30.168.191 đồng, theo hợp đồng mua bán điện giữa bà L và Tổng Công ty Đ1-TNHH, tại địa chỉ mua điện: số F, khóm H, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang. Tuy nhiên quá thời hạn trả lời mà Tòa án Quận P, TP không trả lời nên Tòa án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[6] Bà Nguyễn Trần Châu L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty Đ1 - TNHH nên nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu thu hồi lại số tiền điện còn nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cần buộc bị đơn bà Nguyễn Trần Châu L phải trả cho nguyên đơn số tiền điện còn nợ là 30.168.191 đồng từ tháng 08/11/2022 -14/9/2023 là 10 tháng 6 ngày x 10 %/ năm = 0,83 %/ tháng lãi chậm trả tính như sau: 30.168.191 x 306 ngày (10 tháng 6 ngày) x 0,83%/ tháng = 2.554.038 đồng, tổng cộng tiền nợ và lãi chậm trả = 32.722.229 đồng (Ba mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi chín đồng)

[7] Về án phí: Do yêu cầu của Tổng Công ty Đ1 - TNHH được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí. Bà Nguyễn Trần Châu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; 35; 39; 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
ăn cứ các Điều 50; 306; 319 Luật Thương Mại

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Tổng Công ty Đ1** – TNHH (đại diện là Điện lực **C- Công ty Đ2**).

Buộc bà **Nguyễn Trần Châu L** trả cho **Tổng Công ty Đ1** – TNHH (đại diện là Điện lực **C- Công ty Đ2**) số tiền nợ 30.168.191 đồng lãi chậm trả 2.554.038 đồng, tổng cộng tiền nợ và lãi chậm trả = 32.722.229 đồng (Ba mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi chín đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà **Nguyễn Trần Châu L** phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

H lại tiền tạm ứng án phí cho **Tổng Công ty Đ1** – TNHH (đại diện là Điện lực **C- Công ty Đ2**) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008359 ngày 09/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/9/2023) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bà **L** là 15 ngày được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phong P